

Số: /QĐ-UBND Lạng Giang, ngày tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị số 4, xã Thái Đào (đợt 5)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 Ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 và Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh; Công văn số 1350/SNN-KHTC ngày 29/6/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang về công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất 6 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Thông báo của UBND huyện: Số 22/TB-UBND ngày 11/3/2022 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị số 4, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; số 43/TB-UBND ngày 14/4/2022 của UBND huyện Lạng Giang về việc thu hồi đất (đợt 2) để thực hiện dự án Khu đô thị số 4 xã Thái Đào; số 45/TB-UBND ngày 09/6/2023 của UBND huyện Lạng Giang về việc thu hồi đất (đợt 3) để thực hiện dự án Khu đô thị số 4 xã Thái Đào, huyện Lạng Giang.

Theo đề nghị của phòng Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 370/TTr-NN&PTNT ngày 10/7/2023 về việc đề nghị phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Khu đô thị số 4, xã Thái Đào (đợt 5).

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.**

1. Phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Khu đô thị số 4, xã Thái Đào (đợt 5) để làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, cụ thể:

(Có phụ lục chi tiết đính kèm).

2. Các cơ quan: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông xây dựng môi trường và UBND xã Thái Đào có trách nhiệm:

- Phối hợp thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho đối tượng nơi có đất thu hồi theo quy định.

- Chủ tịch UBND xã Thái Đào có trách nhiệm niêm yết quyết định tại Nhà văn hóa thôn nơi có đất thu hồi và trụ sở UBND xã.

3. Văn phòng HĐND và UBND huyện có trách nhiệm đăng tải quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Tài Chính - Kế hoạch, Thanh tra, Tư pháp, Kho bạc Nhà nước, Chi Cục thuế khu vực Lạng Giang - Lục Nam, Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông xây dựng môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện, Chủ tịch UBND xã Thái Đào và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, TH, CNTT, Công TTĐT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thị Hương Lan

PHỤ LỤC
ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND huyện)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Đơn giá (đồng)
1	Cây hàng năm	đ/m ²	9.500
2	Cây Đào thối: 150cm ≤ chiều cao < 200cm, mật độ BQ 0,5cây/m ²	đ/m ²	53.000
3	Cây Đào ĐK gốc 12cm ≤ Φ < 15cm	đ/cây	270.000
4	Cây Đào ĐK gốc 9cm ≤ Φ < 12cm	đ/cây	230.000
5	Cây Cau ĐK gốc 15cm ≤ Φ < 20cm	đ/cây	185.000
6	Cây Cau ĐK gốc 12cm ≤ Φ < 15cm	đ/cây	145.000
7	Cây Cau ĐK gốc 9cm ≤ Φ < 12cm	đ/cây	75.000
8	Cây Khế ĐK gốc 12cm ≤ Φ < 15cm	đ/cây	275.000
9	Cây Khế ĐK gốc 9cm ≤ Φ < 12cm	đ/cây	235.000
10	Cây Chuối ăn quả, Đã có quả (khóm có từ 2 cây trở lên)	đ/khóm	87.000
11	Cây Nhãn ĐK tán 5m ≤ F < 6m	đ/cây	1.790.000
12	Cây Nhãn ĐK tán 4m ≤ F < 5m	đ/cây	1.364.000
13	Cây Nhãn ĐK tán 3m ≤ F < 4m	đ/cây	758.000
14	Cây Bưởi ĐK gốc 7cm ≤ Φ < 9cm	đ/cây	1.559.000
15	Cây Hồng xiêm ĐK gốc 9cm ≤ Φ < 12cm	đ/cây	470.000
16	Cây Hồng xiêm ĐK gốc 7cm ≤ Φ < 9cm	đ/cây	295.000
17	Cây Mít ĐK gốc 9 cm ≤ Φ < 12cm	đ/cây	425.000
18	Cây Ổi ĐK gốc 13cm ≤ Φ < 15cm	đ/cây	1.150.000
19	Cây Xoài ĐK gốc 9 cm ≤ Φ < 12cm	đ/cây	425.000
20	Cây Mía trồng Từ 6 tháng đến sắp thu hoạch	đ/m ²	23.500
21	Cây Đinh lăng trồng từ 3 năm tuổi đến dưới 5 năm tuổi	đ/cây	15.000